

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

PGS.TS. PHẠM VIỆT VƯỢNG

**PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ NĂNG
DẠY HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

HÀ NỘI - 2017

1. KHÁI NIỆM PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1.1. Khái niệm chung về phương pháp

Phương pháp là một phạm trù phức tạp, khi bàn về phương pháp người ta thường có nhiều cách tiếp cận và từ đó đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau, thí dụ các nhà triết học định nghĩa:

1. *Phương pháp là con đường đi tới mục đích.*

2. *Phương pháp là sự vận động bên trong của nội dung.*

Hai cách định nghĩa này có tính khái quát, cách thứ nhất nhấn mạnh tính mục đích của công việc, làm thế nào để đạt mục đích công việc đó chính là phương pháp, cách thứ hai nhấn mạnh tới nội dung của công việc, làm thế nào để nội dung công việc tiến triển tốt đó cũng chính là phương pháp.

3. *Phương pháp là sự ý thức của chủ thể về quy luật vận động của đối tượng và vận dụng các quy luật ấy để biến đổi đối tượng theo mục đích đã xác định.*

Cách tiếp cận thứ ba dựa trên lí thuyết tâm lí học hoạt động, có tính toàn diện hơn. Khi nói về phương pháp, người ta phải đề cập tới các thành tố tham gia như chủ thể, đối tượng, mục đích, nội dung, phương tiện hoạt động.

Phân tích cách tiếp cận này giúp chúng ta nhận thấy phương pháp bao giờ cũng là của một chủ thể nhất định. Trình độ năng lực, kinh nghiệm, quan điểm, thái độ của chủ thể quy định cách làm việc và tạo ra sản phẩm có chất lượng tương xứng. Như vậy, phương pháp có *tính chủ thể*.

Phương pháp làm việc được lựa chọn xuất phát từ đặc điểm của đối tượng hoạt động, hiệu quả công việc phụ thuộc vào việc chủ thể có am hiểu đối tượng đó hay không? Như vậy, phương pháp có *tính đối tượng*.

Phương pháp làm việc bị quy định bởi mục đích công việc. Mục đích chỉ dẫn phương pháp làm việc, cùng một mục đích có thể có nhiều phương pháp, phương pháp nào sáng tạo hơn thì làm cho mục đích đạt được nhanh hơn, chất lượng tốt hơn. Như vậy, phương pháp có *tính mục đích*.

Phương pháp làm việc còn cần đến *phương tiện hỗ trợ*. Phương tiện đầy đủ, đồng bộ, tinh xảo hỗ trợ rất tích cực cho chủ thể làm việc từ đó sẽ đạt được chất lượng và hiệu quả cao.

Phương pháp là phạm trù phức tạp, khi nói đến phương pháp, ta có thể hiểu đó là cách tiếp cận của chủ thể đến đối tượng, ta có thể hiểu đó là quy trình thực hiện một công việc, ta cũng có thể hiểu đó là các thao tác cụ thể khi tiến hành một công việc. Phương pháp là phạm trù có ba bậc:

Bậc thứ nhất: Phương pháp là hệ thống các quan điểm, các cách tiếp cận đối tượng được sử dụng cho một loại công việc. Cách tiếp cận đối tượng khác nhau sẽ đem lại hiệu quả công việc khác nhau.

Bậc thứ hai: Phương pháp là một hệ quy trình, để tiến hành một loại công việc ta cần lựa chọn một quy trình với các bước đi ngắn nhất để đem lại hiệu quả tốt nhất (quy trình tối ưu). Quy trình chính là một thuật toán hay một algôrit (Algorithm).

Bậc thứ ba: Phương pháp là hệ thống các thao tác, biện pháp cụ thể được sử dụng để tiến hành công việc. Phương pháp là cách làm với các thao tác cụ thể.

Như vậy, phương pháp là phạm trù ba bậc bao gồm các quan điểm tiếp cận đối tượng, quy trình và các thao tác tác động vào đối tượng nhằm biến đổi đối tượng theo mục đích đã xác định.

Từ những phân tích chung nhất về phương pháp, chúng ta sẽ bàn sâu vào phương pháp dạy học.

1.2. Khái niệm phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học cũng nằm trong phạm trù phương pháp hoạt động như chúng ta đã phân tích, nó cũng chứa đầy đủ các yếu tố kể trên.

Trước hết, chúng ta đều thấy: phương pháp dạy học là một thành tố hết sức quan trọng của quá trình dạy học, khi đã xác định được mục tiêu, đã xây dựng được chương trình dạy học, khi đã có đầy đủ phương tiện kỹ thuật, thì lúc này *phương pháp dạy học có ý nghĩa quyết định chất lượng quá trình dạy học*.

Dựa theo lý thuyết hoạt động đã phân tích ở trên, ta thấy phương pháp dạy học có những đặc điểm quan trọng sau đây:

1. Dạy học là quá trình hoạt động tương tác của *hai chủ thể* giáo viên và học sinh. Như vậy, *phương pháp dạy học bao gồm phương pháp giảng dạy của giáo viên và phương pháp học tập của học sinh*. Phương pháp của hai chủ thể phối hợp với nhau để cùng thực hiện *một mục tiêu chung* đó là giúp học sinh chiếm lĩnh tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo và thái độ tích cực đối với cuộc sống.

2. Phương pháp giảng dạy của giáo viên giữ vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều khiển và hướng dẫn phương pháp học tập của học sinh để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Từ đây cũng thấy có lý khi nói "*dạy học là dạy cách học*".

- Phương pháp giảng dạy thể hiện trình độ nghiệp vụ sư phạm của giáo viên, nó có tính khoa học, tính kỹ thuật, tính nghệ thuật và tính đạo đức sư phạm. Tính khoa học thể hiện ở phương pháp tiếp cận đối tượng, tính kỹ thuật thể hiện ở hệ quy trình, tính nghệ thuật thể hiện bằng sự khéo léo khi giải quyết các tình huống dạy học, tính đạo đức thể hiện ở thái độ, tâm huyết của nhà giáo "*tất cả vì học sinh thân yêu*". Do vậy, xã hội yêu cầu *nhà giáo phải có phẩm chất công dân và năng lực sư phạm*.

- Phương pháp giảng dạy của giáo viên được lựa chọn xuất phát từ trình độ nhận thức của học sinh, từ đặc điểm của môn học, mục tiêu từng bài học, môi trường lớp học và phương tiện kỹ thuật đang có.

- Phương pháp giảng dạy của giáo viên còn bao hàm cả các yếu tố của phương pháp giáo dục như: khích lệ, động viên, khơi dậy tính tích cực, sáng tạo, hứng thú, kiên trì, quyết tâm học tập của học sinh.

3. Phương pháp học tập của học sinh là *phương pháp nhận thức và phương pháp thực hành* để tự phát triển theo mục tiêu dạy học. Phương pháp học tập của học sinh một mặt tuân thủ sự hướng dẫn của phương pháp giảng dạy, mặt khác lại phải phát huy tính tích cực, sáng tạo riêng của mình. Như vậy, cũng thể nói "*học tập là học phương pháp làm người*".

- Phương pháp học tập của học sinh được quy định bởi mục đích, nội dung môn học, bài học, bởi môi trường lớp học, phương tiện học tập, kinh nghiệm của bản thân và phương pháp hướng dẫn của giáo viên.

- Phương pháp học tập của học sinh phụ thuộc vào động cơ, thái độ, ý thức học tập của từng học sinh. Sự tập trung chú ý, sự hứng thú, say mê, quyết tâm học tập sẽ tạo nên kết quả học tập tốt.

- Phương pháp học tập phụ thuộc vào năng lực, thói quen, kinh nghiệm, học tập của học sinh. Kết quả học tập được *quyết định bởi kỹ năng tự học*, kỹ năng thu thập, xử lý, trình bày thông tin của cá nhân người học.

- Sự sáng tạo trong học tập của học sinh chính là sự mềm dẻo trong tư duy, trong cách tiếp cận đối tượng nhận thức, nội dung môn học, bài học, tận dụng môi trường, tận dụng phương tiện kĩ thuật để đạt được hiệu quả học tập.

4. Phương pháp dạy học rất đa dạng: mỗi môn học, mỗi bài học, thậm chí cả mỗi đơn vị kiến thức, mỗi loại kĩ năng có những phương pháp dạy và học đặc thù. Do vậy, một bài học phải *sử dụng phối hợp* nhiều phương pháp dạy học.

Nghệ thuật sư phạm của giáo viên chính là việc lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học trên cơ sở mục tiêu, nội dung bài dạy, trình độ học sinh, phương tiện hiện có, kinh nghiệm của bản thân, môi trường và điều kiện học tập của học sinh.

5. Phương pháp dạy học hiện đại nhấn mạnh giáo viên phải thực hiện nguyên tắc phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh. Giáo viên phải coi học sinh vừa là đối tượng, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình dạy học để tổ chức, hướng dẫn học sinh học tập có kết quả.

6. Phương pháp dạy học hiện đại nhấn mạnh tới việc cần khai thác tiềm năng trí tuệ của học sinh và tập thể học sinh. Biến tập thể lớp học thành *môi trường tương tác sư phạm, học sinh vừa hợp tác, vừa đua tranh*, vừa cố gắng vươn lên tự khẳng định mình. Hoạt động tương tác giữa học sinh với nhau là biện pháp quan trọng để đạt được kết quả dạy học tốt nhất.

7. Phương pháp dạy học hiện đại yêu cầu nhà trường phải được trang bị các *phương tiện kĩ thuật đồng bộ* phục vụ cho học sinh học tập, nghiên cứu và thực hành, đặc biệt là sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Phương tiện kĩ thuật là công cụ nhận thức và thực hành của học sinh, chúng hỗ trợ đắc lực cho phương pháp dạy học nhằm đạt tới kết quả cao.

Tóm lại, *phương pháp dạy học là tổng hợp các cách thức hoạt động phối hợp, tương tác giữa giáo viên và học sinh, nhằm giúp học sinh chiếm lĩnh hệ thống kiến thức khoa học, hình thành hệ thống kĩ năng, kĩ xảo, thực hành sáng tạo và thái độ chuẩn mực, theo mục tiêu của quá trình dạy học.*

2. PHÂN LOẠI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp dạy học là một hệ thống đa dạng, để sử dụng phương pháp dạy học một cách có hiệu quả, người ta chú ý tới việc phân loại chúng. Trong các tài liệu, sách giáo khoa Giáo dục học ở trong nước cũng như ngoài nước có nhiều cách phân loại khác nhau, thí dụ:

+ Skatkin M.N., Lecne I.Ia. dựa trên mức độ sáng tạo trong nhận thức của học sinh chia phương pháp dạy học thành các nhóm: nhóm phương pháp giải thích - minh họa, nhóm phương pháp tái hiện, nhóm phương pháp tìm kiếm bộ phận và nhóm phương pháp sáng tạo.

+ Babanxki Iu.K. nhấn mạnh yếu tố giáo dục trong dạy học đã chia phương pháp dạy học thành ba nhóm: nhóm phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức, nhóm phương pháp kích thích động cơ nhận thức và nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

+ Đanhilôp M.A., Êxipôp B.P. phân loại phương pháp dạy học thành các nhóm: nhóm phương pháp tìm tòi tri thức mới, nhóm phương pháp hình thành kĩ năng, kĩ xảo và nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo của học sinh.

+ Khaclamôp I.F. phân phương pháp dạy học thành bốn nhóm: nhóm phương pháp giải thích bằng lời, nhóm phương pháp hoạt động tìm kiếm tri thức mới, nhóm phương pháp vận dụng kiến thức hình thành kĩ năng, kĩ xảo và nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

+ Pêtrôvxki E.I., Gôlant E. phân loại phương pháp dạy học theo nguồn gốc kiến thức và đặc điểm tri giác tài liệu của học sinh, đã chia phương pháp thành ba nhóm: nhóm phương pháp dùng lời, nhóm phương pháp trực quan và nhóm phương pháp hoạt động thực tiễn.

+ Hiện nay, ở Việt Nam, có tác giả phân chia phương pháp dạy học thành hai nhóm: phương pháp truyền thống và phương pháp tích cực, để nói tới các xu hướng đổi mới của phương pháp dạy học.

Như vậy, có nhiều cách phân loại phương pháp dạy học là do các tác giả dựa trên các cơ sở khác nhau, mỗi cách phân loại đều có những ưu điểm, nhược điểm riêng. Tuy nhiên, các cách phân loại đó vẫn có những nét tương đồng và quan trọng nhất là chúng không mâu thuẫn với nhau.

Một cách phân loại phổ biến đang được chấp nhận và sử dụng ở các trường phổ thông trên thế giới và ở Việt Nam, đó là phân loại phương pháp dạy học theo bốn nhóm: *nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ, nhóm phương pháp dạy học trực quan, nhóm phương pháp dạy học thực hành, thí nghiệm và nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.*

3. HỆ THỐNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHỔ THÔNG

3.1. Nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ

Nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ là nhóm phương pháp giáo viên và học sinh sử dụng lời nói và chữ viết để trình bày, mô tả, giải thích, phân tích, chứng minh, để trao đổi, thảo luận với nhau, để từ đó tìm kiếm thông tin khoa học,...

Nhóm này bao gồm các phương pháp cụ thể sau đây:

a. Phương pháp diễn giảng (diễn giải - thuyết giảng)

Diễn giảng là phương pháp dạy học trong đó giáo viên dùng lời nói để trình bày, mô tả, phân tích, giải thích, chứng minh,... nội dung bài học một cách chi tiết giúp cho học sinh nghe, hiểu và ghi nhớ.

Diễn giảng là phương pháp được sử dụng lâu đời nhất trong lịch sử dạy học ở bậc phổ thông và còn đang sử dụng rất phổ biến ở nước ta và nhiều nước khác trên thế giới.

Ưu điểm của phương pháp diễn giảng:

+ Đối với giáo viên, bài dạy dễ thực hiện, không cần bất cứ một phương tiện kỹ thuật nào, còn đối với học sinh, được nghe thầy phân tích, giải thích, chứng minh nhanh chóng hiểu được các vấn đề phức tạp, nắm được nhiều thông tin lẽ ra phải bỏ ra nhiều công sức, nhiều thời gian để tìm tòi, nghiên cứu mới có thể thu thập được.

+ Giáo viên chủ động thực hiện một chương trình có khối lượng kiến thức lớn, có thể dạy cho một lớp học đông học sinh.

+ Phương pháp diễn giảng thường được sử dụng ở các môn lí luận chính trị, xã hội, nhân văn, văn học, nghệ thuật,... ngoài việc cung cấp thông tin khoa học, diễn giảng còn có thể hướng dẫn học sinh phương pháp tư duy, lập luận lôgic giải quyết vấn đề, có thể tạo được cảm xúc cho học sinh.

Nhược điểm của phương pháp diễn giảng:

+ Là phương pháp độc thoại, thầy nói trò nghe, học sinh rơi vào trạng thái thụ động, lắng nghe để hiểu, để ghi bài, ít phải động não, nên dễ bị ức chế mỗi một.

+ Học sinh không có cơ hội để trình bày ý kiến riêng, để tranh luận tập thể, không có điều kiện để thực hành vận dụng kiến thức hình thành kĩ năng, kĩ xảo.

+ Nếu lạm dụng phương pháp diễn giảng, coi đó là phương pháp uy nhất, sử dụng trong thời gian dài, học sinh sẽ hình thành thói quen thụ động, thích nghe hơn thích đọc, ngại tìm tòi, nghiên cứu, ngại thực hành, thí nghiệm và tất yếu không thể có chất lượng học tập tốt.

Chính vì những nhược điểm này mà ngày nay nhiều người lên tiếng phủ nhận phương pháp diễn giảng, thậm chí còn muốn loại trừ nó ra khỏi hệ thống các phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông.

Theo chúng tôi, đây là ý kiến cực đoan, vấn đề đặt ra là cần phải khai thác ưu điểm và hạn chế nhược điểm của phương pháp này.

Phương pháp diễn giảng vẫn cần sử dụng trong những trường hợp cần thiết, với những bài giảng mang tính lí luận, cần phải phân tích, so sánh các quan điểm, các trường phái khác nhau, để bày tỏ quan điểm học thuật chính thống,...

Trong thực tế, nhiều bài diễn giảng của giáo viên đã để lại những ấn tượng sâu sắc, lâu dài đến học sinh, không những về giá trị học thuật, phương pháp nhận thức, mà còn về mặt tình cảm, đạo đức và tâm huyết nghề nghiệp của nhà giáo không thể phủ nhận được.

Biện pháp khắc phục phương pháp diễn giảng:

Bài diễn giảng thành công là kết quả của việc tìm tòi, tích lũy kiến thức, vốn sống, kinh nghiệm sư phạm và sự say mê nghề nghiệp của nhà giáo. Để có bài diễn giảng thành công, người giáo viên phải nghiên cứu nắm vững nội dung chương trình, sách giáo khoa, phải đọc nhiều sách tham khảo, phải tìm được các ví dụ thực tế phù hợp với nội dung bài giảng.

Để bài diễn giảng có hiệu quả, giáo viên phải sử dụng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, giàu cảm xúc, có nội dung khoa học chính xác, lập luận lôgic chặt chẽ, có điểm nhấn, có trọng tâm, trọng điểm.

Bài diễn giảng có thể thực hiện bằng cách mô tả, kể chuyện, giải thích, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, có thể bằng phép quy nạp hay diễn dịch, bằng cách nêu và giải quyết vấn đề, với giọng nói tâm huyết để tạo hứng thú học tập của học sinh.

Lí luận dạy học hiện đại yêu cầu giáo viên không nên lạm dụng phương pháp diễn giảng, không nên coi đây là phương pháp dạy học duy nhất, phải phối hợp diễn giảng với các phương pháp vấn đáp, thảo luận, minh họa, trực quan, trình diễn thí nghiệm, thực hành... nhằm tích cực hoá hoạt động của học sinh.

Cần chuyển phương pháp diễn giảng đơn giản thành diễn giảng nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, giáo viên cần xây dựng các tình huống, sưu tầm các sự kiện, các mâu thuẫn để hướng dẫn học sinh cùng suy nghĩ, tìm tòi, giải quyết vấn đề, tạo ra sự hấp dẫn.

b. Phương pháp vấn đáp

Phương pháp vấn đáp là phương pháp mà giáo viên tổ chức bài học thông qua việc đặt câu hỏi và yêu cầu học sinh trả lời, tạo nên một giờ học sôi nổi, mọi người cùng tham gia trao đổi một cách tích cực, từ đó nắm vững nội dung bài học. Ở trường phổ thông, phương pháp vấn đáp thường được phối hợp với các phương pháp khác nhau như diễn giảng, minh họa trực quan, thực hành, thí nghiệm,...

Ưu điểm của phương pháp vấn đáp:

- + Tạo không khí sôi nổi trong lớp học, học sinh tích cực tư duy.
- + Kiến thức do học sinh tự tìm ra dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- + Rèn học sinh kỹ năng tư duy độc lập, kỹ năng trình bày ý tưởng bằng ngôn ngữ, tạo nên sự tự tin, mạnh dạn trước nơi đông người (trước đám đông, trước công chúng).
- + Trong khi trả lời, học sinh sẽ tự bộc lộ ưu điểm, nhược điểm trong kiến thức và cách lập luận trình bày, giáo viên dễ phát hiện để giúp đỡ.
- + Tạo môi trường vừa cạnh tranh, vừa hợp tác trong học tập của học sinh.

Nhược điểm của phương pháp vấn đáp:

- + Kiến thức bị chia nhỏ, có thể làm giảm tính lôgic của bài học, học sinh khó ghi chép b ả.
- + Có thể có một bộ phận học sinh ngại không tham gia phát biểu ý kiến, kết quả học tập sẽ khó đạt được mục tiêu.
- + Đối với giáo viên mới ra trường, ít kinh nghiệm, phương pháp vấn đáp dễ làm mất thời gian, dễ bị “cháy giáo án”, đặc biệt khi học sinh chưa chuẩn bị kỹ bài học, câu hỏi quá khó mà học sinh không đủ khả năng trả lời.

Biện pháp khắc phục phương pháp vấn đáp:

Tâm điểm của phương pháp vấn đáp là hệ thống câu hỏi, vì vậy, giáo viên phải chuẩn bị kỹ các câu hỏi. Hệ thống các câu hỏi được sắp xếp theo trình tự lôgic từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp để dẫn dắt học sinh nối tiếp nhau cùng suy nghĩ, cùng trả lời từ đó nắm vững nội dung bài học.

Có nhiều loại câu hỏi vấn đáp: câu hỏi ôn tập kiến thức đã học, câu hỏi gợi ý tìm kiến thức mới, câu hỏi nêu vấn đề, câu hỏi lựa chọn phương án, câu hỏi hướng dẫn thực hành, câu hỏi vận dụng kiến thức,...

Những yêu cầu đối với một câu hỏi vấn đáp:

1. Chứa đựng thông tin cần hỏi.
2. Liên quan đến nội dung bài học.
3. Diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu.
4. Phù hợp với trình độ học sinh.
5. Khuyến khích học sinh trả lời.
6. Phải huy động kiến thức và kinh nghiệm đã có.
7. Kích thích tư duy sáng tạo.
8. Hạn chế câu hỏi yêu cầu học sinh thuộc lòng,...

Đặc điểm của phương pháp vấn đáp là không bao giờ tồn tại một mình, bài học không thể chỉ toàn là hỏi, đáp, mà nó cần được phối hợp với các phương pháp khác nhau. Phương pháp vấn đáp có trong tất cả các hình thức tổ chức dạy học. Trong bài diễn giảng, thay cho lối dạy học độc thoại, giáo viên cần đặt các câu hỏi để hướng dẫn học sinh suy nghĩ tự tìm ra chân lí. Trong bài luyện tập, bằng câu hỏi giáo viên gợi ý cho học sinh tìm ra phương pháp sáng tạo nhất. Trong khi sử dụng phương pháp trực quan đặt câu hỏi cho học sinh quan sát, tự rút ra những kết luận. Như vậy, vấn đáp được sử dụng phối hợp với các phương pháp khác nhau làm cho bài học trở nên sinh động và hấp dẫn, thu hút học sinh tích cực tham gia.

Để sử dụng phương pháp vấn đáp có hiệu quả, giáo viên cần phân tích kỹ nội dung bài giảng, chuẩn bị kỹ hệ thống các câu hỏi phù hợp. Trong bài giảng giáo viên nên đặt câu

hỏi trước cả lớp, dừng lại một chút để học sinh suy nghĩ, trao đổi, sau đó gọi học sinh trả lời. Trong quá trình sử dụng phương pháp vấn đáp, giáo viên cần lưu ý khai thác kiến thức và kinh nghiệm của học sinh, tạo cho họ thói quen suy nghĩ, tích cực học tập.

Khi có một học sinh không trả lời được câu hỏi, thì tuyệt nhiên không nên chế giễu, chê bai, mà nên đặt câu hỏi gợi ý để họ tiếp tục suy nghĩ trả lời, hoặc gọi học sinh khác hỗ trợ.

Khi có học sinh đặt câu hỏi, nêu thắc mắc thì giáo viên không nên vội vàng trả lời mà nên cho cả lớp trao đổi, thảo luận tự trả lời. Giáo viên lưu ý uốn nắn cách trả lời và khẳng định kiến thức đúng, sai, chấn chỉnh những sai sót của học sinh.

c. Phương pháp thảo luận

Thảo luận là phương pháp mà giáo viên đặt ra những vấn đề, những tình huống và tổ chức cho học sinh cùng nhau trao đổi, tranh luận tìm lời giải đáp. Về bản chất của phương pháp thảo luận là sử dụng trí tuệ của tập thể học sinh cùng đi tìm chân lí, đây là một trong những xu hướng đổi mới phương pháp dạy học hiện đại.

Ở các nước phát triển, quá trình dạy học chủ yếu diễn ra bằng phương pháp “*học tập tập thể, tất cả cùng tham gia*”.

Ưu điểm của phương pháp thảo luận là:

+ Tạo ra một không khí học tập sôi nổi, mọi người cùng tham gia tìm tòi, chiếm lĩnh nội dung bài học.

+ Điều quan trọng nhất của phương pháp thảo luận là học sinh hình thành kỹ năng hợp tác trong tư duy và trong hành động thực tế để cùng giải quyết vấn đề, đây là một phẩm chất cực kì quý báu của người lao động trong xã hội hiện đại “*học để hợp tác, cùng chung sống*”.

Phương pháp thảo luận có thể tiến hành chung cả lớp, hay theo nhóm. Trong trường hợp thứ nhất, giáo viên là người nêu vấn đề, hướng dẫn, kích lệ học sinh trao đổi, tranh luận, giáo viên làm cố vấn cho các bên, là trọng tài trong các trường hợp gay cấn và đưa ra các kết luận cuối cùng.

Thực hiện quá trình dạy học bằng phương pháp thảo luận làm cho việc học tập của học sinh trở nên nhẹ nhàng, lớp học sôi nổi, hứng thú. Học sinh vừa đua tranh, vừa hợp tác giúp đỡ nhau học tập, vấn đề được thảo luận kĩ, do đó kiến thức nhớ lâu và có thể vận dụng vào thực tiễn.

Phương pháp thảo luận có thể tiến hành theo nhóm. Trong trường hợp này được thực hiện bằng cách phân nội dung bài học ra thành các chủ đề và chia học sinh thành các nhóm để thảo luận.

Có nhiều kỹ thuật phân nhóm thảo luận:

1. Nhóm hai, ba học sinh ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận, gọi là nhóm “*ri râm*”.
2. Kết hợp hai, ba nhóm “*ri râm*” thành một nhóm lớn, để thảo luận câu hỏi phức tạp hơn, gọi là nhóm “*kim tự tháp*”.
3. Cho một nhóm thảo luận, một nhóm quan sát, lắng nghe, bình luận sau đó thay đổi vị trí giữa hai nhóm. Hai nhóm tiếp xúc nhau thảo luận, gọi là nhóm “*bể cá*”.
4. Chia học sinh thành một số nhóm, bằng đúng số vấn đề có trong nội dung bài học, mỗi nhóm thảo luận một vấn đề theo số thứ tự của nhóm, sau đó đổi vị trí sang nhóm khác. Người đã ngồi ở nhóm có số thứ tự nào sẽ hướng dẫn cả nhóm thảo luận câu hỏi có số thứ tự đó và cuối cùng cả lớp thảo luận chung và giáo viên tổng kết, gọi là nhóm “*luân phiên - nhóm các mảnh ghép*”.

Biện pháp khắc phục phương pháp thảo luận:

Giờ học thảo luận cần được thiết kế và có ý tưởng, có đạo diễn để lớp học sôi nổi, mọi học sinh đều tích cực tham gia. Trong khi thảo luận nhóm đại diện học sinh cần ghi các ý chính vào giấy khổ lớn bằng bút dạ, dán lên bảng để trình bày trước cả lớp, làm cơ sở để các nhóm khác tranh luận bổ sung. Giáo viên cần tổng kết khắc sâu những vấn đề học sinh đã thảo luận.

d. Phương pháp sử dụng tài liệu và internet

Phương pháp sử dụng sách giáo khoa, tài liệu học tập và mạng internet là phương pháp mà giáo viên hướng dẫn học sinh tự học, tự nghiên cứu để chiếm lĩnh nội dung bài học, môn học, để đào sâu mở rộng kiến thức làm cho chất lượng học tập được nâng cao.

Sách giáo khoa ở trường phổ thông chứa đựng kiến thức và kỹ năng chuẩn theo chương trình quy định cho từng môn học.

Các tài liệu học tập ở trường phổ thông bao gồm sách bài tập, sách tham khảo, chuyên khảo và các tài liệu khoa học, văn học, nghệ thuật,... hỗ trợ học sinh mở rộng và đào sâu kiến thức.

Internet là một nguồn thông tin phong phú, cập nhật có thể hỗ trợ cho học sinh tham khảo, nếu được sử dụng để học tập sẽ góp phần không nhỏ vào việc nâng cao trình độ hiểu biết của học sinh về các lĩnh vực khoa học và thực tế đời sống.

Sách giáo khoa và các tài liệu học tập là căn cứ để học sinh chuẩn bị bài trước khi lên lớp, chuẩn bị đề cương thảo luận, ôn tập, làm các bài tập thực hành, để tự kiểm tra, để mở rộng, đào sâu kiến thức, việc học tập trở nên có hiệu quả và chất lượng cao hơn.

Khi sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập, đối với học sinh là cơ hội để luyện tập cách đọc, cách ghi chép, cách phân tích, tổng hợp tài liệu, cách trình bày văn bản, tiệm cận với phương pháp nghiên cứu khoa học. Học sinh nào đọc nhiều sách tham khảo thì vốn kiến thức sẽ được mở rộng, kết quả học tập được nâng cao hơn. Học sinh nào đọc sách thường xuyên sẽ hình thành thói quen và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu đó là một phẩm chất cực kỳ quý báu của người lao động mới trong thời đại khoa học và công nghệ, *“học để tự khẳng định mình”*.

Hiện nay, ở các trường phổ thông có những hiện tượng trái ngược nhau: có những học sinh đọc quá nhiều sách, trong đó có cả những cuốn sách không phục vụ cho học tập làm ảnh hưởng đến thời gian học tập và tu dưỡng đạo đức, có những học sinh không đọc sách gì khác ngoài sách giáo khoa, có cả những học sinh đọc sách đồng nghĩa với học thuộc lòng. Các hiện tượng trên đều bất ổn.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để học sinh ham thích đọc sách và biết cách đọc sách? Đó là câu hỏi khó nhưng có thể làm được với các biện pháp như sau:

+ Giới thiệu các loại sách cần đọc phục vụ cho học tập, sách tham khảo mở rộng, đào sâu kiến thức, sách giải trí cho lứa tuổi học sinh.

+ Hướng dẫn học sinh phương pháp đọc sách, tra cứu trên internet, kỹ năng tìm kiếm thông tin, ghi chép, xử lý, sử dụng thông tin phục vụ cho mục đích học tập.

+ Giao nhiệm vụ học tập, yêu cầu học sinh thực hiện công việc nghiên cứu, ấn định ngày phải có sản phẩm bằng văn bản.

+ Có nhiều công việc có thể giao cho học sinh như: tóm tắt một cuốn sách, phân tích quan điểm của một tác giả, sưu tầm tài liệu phục vụ cho học tập, tìm hiểu văn học nghệ thuật, khoa học,...

+ Mọi nhiệm vụ đã giao cho học sinh, giáo viên cần theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện và sản phẩm cần làm. Có nhận xét, đánh giá, động viên, học sinh làm tốt, có yêu cầu cao đối với học sinh về sản phẩm và tiến độ để học sinh cố gắng thực hiện tốt, không bỏ qua những trường hợp đọc sách qua loa, chiếu lệ hoặc hoàn toàn không làm gì.

e. Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề

Tâm lý học cho rằng, con người chỉ tích cực tư duy khi họ rơi vào hoàn cảnh có vấn đề, khi họ phải tìm cách thoát khỏi tình huống bế tắc trong nhận thức hoặc trong cuộc sống thực tế.

Hoàn cảnh có vấn đề nảy sinh khi con người phát hiện các mâu thuẫn trong lý thuyết hay thực tế, với phương pháp tư duy cũ, tri thức và kinh nghiệm cũ không thể giải quyết nổi, làm cho họ rơi vào trạng thái tâm lý đặc biệt, trạng thái thôi thúc đi tìm ra cách giải quyết. Từ đây, nảy sinh lý thuyết dạy học nêu vấn đề.

Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề là phương pháp dạy học, trong đó giáo viên tạo ra tình huống có vấn đề, mâu thuẫn, đưa học sinh vào trạng thái tâm lý phải tìm tòi khám phá, từ đó giáo viên hướng dẫn, khích lệ học sinh tìm cách giải quyết.

Mấu chốt của phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề là sưu tầm được các tình huống xung đột, mâu thuẫn thực tế, phù hợp với nội dung bài giảng, môn học, làm cho học sinh cố gắng tìm cách giải quyết.

Có nhiều loại tình huống có vấn đề giáo viên cần khai thác sử dụng:

- + Tình huống không phù hợp với quan niệm thông thường, trái với kinh nghiệm đã có.
- + Tình huống mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực tế, giữa thực tế nơi này với nơi kia.
- + Tình huống xung đột, đối nghịch nhau.
- + Tình huống lựa chọn phương án.
- + Tình huống đột biến, sự kiện phát triển nhanh khác thường.
- + Tình huống giả thuyết, tình huống dự đoán, giả định cần phải chứng minh.

Trên cơ sở tạo dựng các tình huống, giáo viên dẫn dắt học sinh giải đáp bằng các phương án sau:

+ Giáo viên nêu mâu thuẫn, đưa mâu thuẫn tới điểm đỉnh và sau đó thuyết trình tháo gỡ vấn đề.

+ Tổ chức cho học sinh thảo luận tìm cách giải quyết và giáo viên giúp học sinh khẳng định kết quả.

+ Tổ chức cho học sinh làm các thí nghiệm chứng minh hay bác bỏ tình huống.

Đích cuối cùng của dạy học nêu và giải quyết vấn đề là sử dụng tối đa trí tuệ của học sinh và tập thể học sinh, giúp họ tự lực tìm ra tri thức, hình thành phương pháp tư duy linh hoạt, sáng tạo.

3.2. Nhóm phương pháp dạy học trực quan

Nhóm phương pháp dạy học trực quan là nhóm phương pháp dạy học mà giáo viên huy động các giác quan của học sinh tham gia vào quá trình học tập, làm cho việc nhận thức trở nên cụ thể, dễ dàng và chính xác hơn.

Các công trình nghiên cứu khoa học cho thấy khả năng thu nhận thông tin của con người trong thực tế qua thị giác là 15%, qua thị giác là 20%, đồng thời qua cả thị giác và thính giác là 25%, qua hành động có thể lên tới 75% thông tin. Do vậy, trực quan đã trở thành một nguyên tắc dạy học quan trọng mà Comenski (Comensky) nhà giáo dục người Xéc gọi là “*nguyên tắc vàng ngọc*”.

Nhóm phương pháp dạy học trực quan bao gồm các phương pháp cụ thể sau đây:

a. Phương pháp minh họa

Minh họa là phương pháp dạy học trong đó giáo viên sử dụng các phương tiện trực quan giúp học sinh hiểu rõ những vấn đề phức tạp, trừu tượng trong bài giảng.

Ưu điểm của phương pháp minh họa là tạo nên sự hấp dẫn, hứng thú trong giờ học, học sinh hiểu nhanh, hiểu đúng các vấn đề trừu tượng, phức tạp, khó hiểu của bài giảng.

Điều quan trọng nhất đối với phương pháp minh họa là giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện trực quan phù hợp với nội dung từng bài giảng.

Phương tiện trực quan trong dạy học minh họa bao gồm: vật thật, mô hình, sơ đồ, biểu đồ, tranh ảnh, băng hình, băng âm, số liệu, tài liệu, những hiện tượng thực tiễn xã hội, những sự kiện lịch sử,... do giá trị ưu việt làm dẫn chứng, chứng minh cho các luận điểm khoa học.

Các phương tiện trực quan cần đảm bảo tính khoa học, chính xác, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, mỹ thuật, có thể vận hành được sẽ làm tăng sức hấp dẫn đối với học sinh. Tài liệu trực quan phi vật thể phải chính xác, cụ thể, thực tế, mới có tính thuyết phục cao.

Đặc điểm của phương pháp minh họa là nó không tồn tại độc lập mà thường được sử dụng kết hợp với phương pháp khác như diễn giảng, vấn đáp, thảo luận, tranh luận, trong các hình thức tổ chức dạy học khác nhau như thảo luận nhóm, tọa đàm,... Học sinh quan sát, thảo luận, từ đó rút ra được kết luận khoa học.

Để phương pháp dạy học minh họa có hiệu quả, phương tiện trực quan phải đưa ra đúng lúc, đúng chỗ, phù hợp với nội dung của từng bài.

Tuy nhiên, không nên lạm dụng phương tiện trực quan cho tất cả các bài học, các môn học, cho mọi đối tượng, vì nó có thể làm hạn chế tư duy trừu tượng của học sinh.

b. Phương pháp trình diễn thí nghiệm

Phương pháp trình diễn thí nghiệm là phương pháp trong đó giáo viên tiến hành các thí nghiệm khoa học tại lớp, để học sinh quan sát diễn biến của thí nghiệm, từ đó rút ra các kết luận cần thiết. Phương pháp trình diễn thí nghiệm thường được sử dụng để giảng dạy các môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

Phương pháp trình diễn thí nghiệm là một dạng của phương pháp minh họa, sự khác biệt duy nhất của chúng là thay vì sử dụng đồ dùng trực quan, giáo viên cho tiến hành các thí nghiệm khoa học. Học sinh không chỉ quan sát trực tiếp các diễn biến của hiện tượng thí nghiệm, mà còn làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học.

Để sử dụng phương pháp trình diễn thí nghiệm có kết quả, yêu cầu nhà trường phải có phòng thí nghiệm, với đầy đủ phương tiện, thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn cho học sinh.

Hiện nay, các trường phổ thông đều có phòng thí nghiệm, thiết bị, vật tư, vấn đề được đặt ra là phải yêu cầu giáo viên thường xuyên sử dụng các thí nghiệm như là một biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng dạy học.

Nhằm đảm bảo cho cuộc trình diễn thí nghiệm thành công, giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm và phải làm thử thành công trước khi lên lớp.

Trong quá trình làm thí nghiệm, giáo viên cần hướng dẫn học sinh quan sát, thảo luận, ghi chép, tự rút ra các kết luận khoa học.

Giờ học biểu diễn thí nghiệm thành công sẽ để lại ấn tượng sâu sắc đối với học sinh về phương diện nhận thức và phương pháp nghiên cứu khoa học.

c. Phương pháp quan sát thực tế

Quan sát thực tế là phương pháp trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh trực tiếp tri giác các sự vật, hiện tượng tự nhiên hay xã hội đang diễn ra trong môi trường thực tế.

Phương pháp quan sát thực tế được sử dụng ở tất cả các môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. Mục đích của phương pháp quan sát thực tế là giúp học sinh thu thập tài liệu để chứng minh, khẳng định các luận điểm, các lý thuyết khoa học hoặc để tìm tài liệu để chuẩn bị học tập các vấn đề mới.

Phương pháp quan sát thực tế rất gần với hai phương pháp minh họa và trình diễn thí nghiệm, sự khác biệt chủ yếu của chúng là quan sát được tiến hành trong thực tế sống động, việc học tập có tính thực tiễn cao. Quan sát thực tế là phương pháp dạy học gắn nhà trường với cuộc sống, học lý thuyết thông qua thực tế sẽ mang lại hiệu quả giáo dục rất cao.

Để giúp học sinh tiến hành các giờ học quan sát, giáo viên phải xác định mục đích quan sát, đối tượng quan sát, hướng dẫn học sinh ghi chép, xử lý các tài liệu quan sát được, để từ đó có thể tự rút ra kết luận theo yêu cầu của nội dung học tập.

d. Phương pháp dạy học sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại

Trong điều kiện phát triển của khoa học, công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, truyền thông, các phương tiện kỹ thuật và máy tính điện tử đã trở thành một công cụ phổ biến, hỗ trợ đắc lực cho giáo viên thực hiện các yêu cầu đa dạng của quá trình dạy học.

Khi trình bày các bài lý thuyết, giáo viên thường sử dụng các thiết bị như: máy chiếu bản trong (Overhead projector), máy chiếu phản xạ (Opaque projector), máy chiếu slide (Slide projector), máy chiếu đa phương tiện (Projector) để trình chiếu các tài liệu, số liệu, hình ảnh minh họa. Các hình ảnh trên màn hình có thể thay thế cho các phương tiện trực quan cụ thể.

Hiện nay, máy tính điện tử cùng với máy chiếu đa phương tiện (Multimedia projector) một công cụ trợ giúp rất đắc lực cho giáo viên thực hiện mọi công việc từ đơn giản đến phức tạp như:

- + Trình bày thông tin dưới dạng văn bản, đồ thị, hình ảnh, âm thanh,...
- + Khai thác thông tin hình ảnh, âm thanh trên mạng internet hay tự thiết kế các video clip phục vụ giảng dạy thí dụ: hình ảnh Trái Đất, phong cảnh núi rừng, đại dương, sa mạc quan sát từ tàu vũ trụ, hiện tượng sinh trưởng phát triển của động, thực vật, hình ảnh về các sự kiện lịch sử, kinh tế, văn hoá,... trong nước và trên thế giới.
- + Thiết kế mô hình thông tin, các hiện tượng kỹ thuật mà trước đây các phương pháp truyền thống không thể thực hiện được. Ví dụ: biểu diễn hiện tượng hoạt động của xilanh trong động cơ đốt trong, quá trình phản ứng nhiệt hạch trong nhà máy điện nguyên tử, vụ nổ vũ trụ Big Bang hình thành Trái Đất,...
- + Thực hiện các thí nghiệm ảo của bộ môn Vật lý hay Hoá học,... phóng to, thu nhỏ hình ảnh các hiện tượng tự nhiên, làm tăng hay làm giảm tốc độ diễn biến của các hiện tượng, có thể lặp lại nhiều lần các thí nghiệm, hiện tượng khoa học cho học sinh quan sát, trình bày,...
- + Soạn các bài giảng điện tử, cài đặt các tranh ảnh, âm thanh, các video clip, bài dạy sẽ trở nên sống động, tạo được hứng thú cho học sinh.

Vấn đề được đặt ra hiện nay là, nhà trường cần trang bị đầy đủ và đồng bộ thiết bị kỹ thuật dạy học, cần tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính và quan trọng hơn là tạo thành một phong trào sôi nổi trong giáo viên sử dụng các phương tiện kỹ thuật.

3.3. Nhóm phương pháp dạy học thực hành, thí nghiệm

Nhóm phương pháp dạy học thực hành, thí nghiệm là nhóm phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh luyện tập vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, để giúp học sinh vừa khắc sâu kiến thức, vừa hình thành kỹ năng, kỹ xảo học tập và thực hành nghề nghiệp.

Nhóm phương pháp dạy học thực hành bao gồm có các phương pháp cụ thể sau đây:

a. Phương pháp hướng dẫn làm bài tập

Phương pháp hướng dẫn làm bài tập là phương pháp trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh làm các bài tập thực hành vận dụng lý thuyết môn học. Mục đích của phương pháp này là giúp học sinh hiểu sâu, hiểu chính xác lý thuyết, đồng thời hình thành kỹ năng, kỹ xảo, vận dụng lý thuyết, trong nhiều trường hợp qua bài tập học sinh tự rút ra các kết luận, các quy tắc khoa học. Phương pháp hướng dẫn làm bài tập được sử dụng rộng rãi ở tất cả các môn Tự nhiên - Xã hội, Nhân văn, Công nghệ, Ngoại ngữ, Tin học,...

Để sử dụng phương pháp bài tập, yêu cầu giáo viên nghiên cứu kỹ nội dung từng bài, từng chương trong chương trình môn học, sau đó sưu tầm hay tự soạn các bài tập với các mức độ khó khác nhau giao cho học sinh thực hiện. Khi tổ chức làm bài tập, khuyến khích học sinh tìm ra các phương pháp sáng tạo.

Thực tế đã khẳng định rằng học sinh nào chăm làm bài tập thì học sinh đó có kết quả học tập tốt, học sinh nào thường xuyên tìm được cách giải hay cũng chính là học sinh thông minh nhất.

b. Phương pháp hướng dẫn làm thí nghiệm khoa học

Phương pháp hướng dẫn làm thí nghiệm khoa học là phương pháp giáo viên tổ chức cho học sinh tiến hành các thí nghiệm khoa học tại các phòng thí nghiệm, các vườn, trạm trại thí nghiệm theo yêu cầu của các môn học tự nhiên hay kỹ thuật.

Mục đích của phương pháp hướng dẫn làm thí nghiệm khoa học là giúp học sinh chứng minh lý thuyết khoa học và thực hành các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Để tiến hành các thí nghiệm, ngay từ đầu năm học, giáo viên cần có kế hoạch cho toàn bộ chương trình môn học, ấn định thời gian, chuẩn bị kỹ nội dung, phương tiện, dụng cụ, hóa chất, nguyên vật liệu,...

Trong quá trình hướng dẫn làm thí nghiệm, giáo viên phải theo dõi mọi diễn biến, giúp từng học sinh thực hiện đầy đủ các thao tác, tự rút ra được kết luận khoa học.

Học tập bằng phương pháp thí nghiệm là cách học tích cực và rất hiệu quả ở trường phổ thông, đó là sự thống nhất tuyệt vời giữa học lý thuyết khoa học và học phương pháp nghiên cứu khoa học, tự nó làm tăng đáng kể chất lượng học tập của học sinh.

Học sinh nào ham mê nghiên cứu, thí nghiệm khoa học, học sinh đó sẽ tiến xa hơn trên con đường học vấn và thành đạt trong lao động sáng tạo sau này.

c. Phương pháp thực hành tạo sản phẩm

Phương pháp thực hành tạo ra sản phẩm là phương pháp giáo viên tổ chức cho học sinh thực hiện các bài tập với mục tiêu là giúp học sinh vận dụng kiến thức tổng hợp để tạo ra được các sản phẩm cụ thể.

Phương pháp thực hành tạo sản phẩm có ý nghĩa rất lớn, nó làm nảy nở trong học sinh nhu cầu sáng tạo, kích thích tính tích cực tìm tòi, làm phát triển năng lực hoạt động.

Phương pháp thực hành tạo sản phẩm có thể sử dụng trong tất cả các lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội, văn học, nghệ thuật,... đối với các trường còn được gọi là phương pháp thực hành sản xuất.

Sản phẩm thực hành có thể là kết quả một thí nghiệm khoa học, một bài tập nghiên cứu, một mẫu điều tra, một sáng tác văn học, nghệ thuật, một chi tiết máy, một phần mềm tin học,...

Phương pháp thực hành tạo sản phẩm là phương pháp phức tạp, cần có chương trình, kế hoạch ngay từ đầu năm cho các môn học. Phải chuẩn bị mua sắm đủ nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc, thiết bị, hóa chất, các phương tiện hỗ trợ, giáo viên phải chuẩn bị về chủ đề, thể loại phù hợp.

Học sinh cần được hướng dẫn về quy trình, thao tác thực hành một cách chi tiết, khuyến khích tìm tòi phương pháp sáng tạo, sản phẩm độc đáo,...

d. Phương pháp trò chơi

Trong các xu hướng phát triển của quá trình dạy học hiện đại, giáo viên còn sử dụng phương pháp trò chơi để tổ chức cho học sinh học tập.

Mục đích của trò chơi là tạo ra hứng thú, thu hút học sinh vào sân chơi trí tuệ, qua đó, giúp học sinh chiếm lĩnh kiến thức, hình thành kỹ năng và thái độ tích cực học tập.

Trò chơi là một phương pháp dạy học nhẹ nhàng, nhưng hấp dẫn, vừa chơi vừa học mà vẫn có kết quả.

Phương pháp trò chơi có nhiều loại: trò chơi đóng vai sử dụng trong giảng dạy các lĩnh vực quản lý kinh tế, xã hội, hành chính..., trò chơi trí tuệ sử dụng trong các môn khoa học tự nhiên, toán học, logic học,... trò chơi nghệ thuật sử dụng trong các trường văn hóa, nghệ thuật, trò chơi sáng tạo kỹ thuật trong các trường kỹ thuật, trò chơi giải quyết tình huống trong tất cả các môn học,...

Phương pháp trò chơi cần được kết hợp với các phương pháp dạy học khác của tất cả các môn học, nhằm tạo hứng thú, hỗ trợ cho các phương pháp chính thành công.

Trong quá trình dạy học, tùy theo nội dung bài học, môn học mà khai thác sử dụng các loại trò chơi thích hợp. Vấn đề quan trọng là giáo viên phải biết sưu tầm hay sáng tạo các trò chơi đa dạng và hấp dẫn.

Khi thiết kế trò chơi phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Các chủ đề trò chơi phải phù hợp với nội dung và phục vụ cho mục tiêu bài học.
2. Trò chơi phải hấp dẫn, tạo hứng thú, lôi cuốn học sinh tham gia.
3. Trò chơi phải huy động kiến thức, kinh nghiệm và phát huy được trí thông minh sáng tạo của học sinh.
4. Các chủ đề trò chơi phải có khả năng giáo dục tình cảm, thái độ của học sinh trong học tập và cuộc sống xã hội.

Để tổ chức trò chơi có kết quả giáo viên phải chuẩn bị về nội dung, có kịch bản, phải tự bồi dưỡng về kỹ năng đạo diễn. Kết thúc trò chơi học sinh nắm được kiến thức, hình thành được kỹ năng và thái độ ứng xử xã hội thích hợp.

3.4. Nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Kiểm tra, đánh giá là một khâu quan trọng trong quy trình dạy học ở các trường phổ thông, nhưng đối với giáo viên thì chúng lại là phương pháp dạy học.

Kiểm tra và đánh giá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý dạy học của nhà trường và cũng có tầm quan trọng không nhỏ đối với quá trình dạy học của giáo viên và học sinh.

Kiểm tra, thi và đánh giá luôn đi liền với nhau, nhưng không phải là một, chúng có những chức năng riêng chúng ta sẽ nghiên cứu hai khái niệm này một cách cụ thể:

3.4.1. Kiểm tra

Kiểm tra trong quá trình dạy học là hoạt động khảo sát, thu thập thông tin về quá trình học tập và kết quả học tập của học sinh. Ở các trường phổ thông, kiểm tra có thể gồm các hình thức như: kiểm tra miệng, kiểm tra một tiết, kiểm tra tập trung giữa học kì.

Kiểm tra được tổ chức nghiêm túc, khách quan sẽ tạo nên sự nghiêm túc trong quá trình dạy và học của giáo viên và học sinh từ đó góp phần tạo nên chất lượng đào tạo của nhà trường.

Kiểm tra quá trình

Kiểm tra quá trình có nhiều hình thức:

- Quan sát, theo dõi sự chuyên cần học tập, tinh thần, ý thức, thái độ tham gia thảo luận của học sinh.
- Làm bài thu hoạch hay còn gọi là bài tiểu luận.
- Làm bài kiểm tra viết quá trình, do giáo viên trực tiếp ra đề, chấm bài cho điểm và đánh giá chung.

Kiểm tra trong quá trình dạy học có các chức năng sau đây:

1. Kiểm tra là một biện pháp để thu thập thông tin về quá trình học tập và kết quả học tập các quá trình của học sinh. Kết quả kiểm tra cho ta biết những chỗ mạnh, chỗ yếu, cái đạt được, điều chưa đạt được của từng quá trình, của từng học sinh một cách liên tục. Các thông tin về kết quả kiểm tra quá trình sẽ giúp ích rất nhiều cho giáo viên điều chỉnh phương pháp giảng dạy và học sinh điều chỉnh phương pháp học tập, làm cho quá trình dạy học đi đúng mục tiêu. Đây chính là *chức năng dạy học* của kiểm tra.

2. Thực tiễn giảng dạy cho thấy, kiểm tra còn là một biện pháp kiểm soát, tạo động lực thúc đẩy học sinh cố gắng trong học tập, ở đâu giáo viên kiểm tra nghiêm túc thì ở đấy có học sinh nỗ lực học tập, ở đâu giáo viên coi nhẹ kiểm tra thì ở đấy có hiện tượng học sinh lơ là học tập. Như vậy, kiểm tra có *chức năng kiểm soát*, định hướng giáo dục học sinh học tập, tạo ra sự cố gắng thường xuyên trong suốt quá trình học tập ở trường đại học.

3. Một chức năng quan trọng nữa của kiểm tra là để tham gia *đánh giá kết quả* học tập của học sinh, bởi vì đánh giá kết thúc từng môn học bao giờ cũng phải dựa trên kết quả kiểm tra thường xuyên quá trình học tập của họ.

Ở trường phổ thông có nhiều hình thức kiểm tra, mỗi hình thức kiểm tra có chức năng riêng, có ưu điểm và nhược điểm riêng, tuy nhiên chúng đều phục vụ cho mục tiêu chung là kiểm soát, điều chỉnh quá trình dạy và học nhằm nâng cao chất lượng quá trình dạy học.

Học sinh phải hoàn thành tất các môn học lí thuyết và thực hành và phải có điểm điều kiện mới được dự thi kết thúc môn học.

3.4.2. Thi

Thi là hình thức đặc biệt của kiểm tra, mục đích của thi để đánh giá kết quả học tập từng môn học và đánh giá kết quả học tập toàn năm học của từng học sinh.

Mục tiêu và nội dung của các môn học, của khoá học là cơ sở để tổ chức các kì thi. Hình thức thi, nội dung thi, cách đánh giá cho điểm có giá trị định hướng cho phương pháp dạy và học, cũng nhằm tạo động lực cho việc học tập, tu dưỡng của học sinh. Cho nên thi ở phổ thông là một biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học và đào tạo của nhà trường.

Thi môn học:

Ở trường phổ thông thi được áp dụng cho kết thúc học kì.

Có nhiều hình thức thi môn học:

- + Làm bài thi viết: tự luận hay trắc nghiệm.
- + Vấn đáp.
- + Thực hành.

Quy trình tổ chức kì thi môn học:

1. Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm nghiên cứu mục tiêu, nội dung chương trình các môn học, các vấn đề trọng tâm, trọng điểm.

2. Có thể soạn đề cho từng đợt thi môn học, có thể xây dựng ngân hàng đề thi. Đề thi nên giao cho các bộ môn, hoặc giao cho nhóm chuyên gia tổ chức biên soạn, hiệu trưởng là người phê duyệt cuối cùng. Xây dựng ngân hàng đề thi là cách làm tốt nhất.

3. Tổ chức kì thi thật sự nghiêm túc, người coi thi nên là những giáo viên khác bộ môn, có cán bộ của trường giám sát.

4. Chấm bài, lên điểm phải chính xác. Mỗi bài thi lí thuyết có hai giáo viên chấm riêng biệt và trưởng nhóm chịu trách nhiệm chung. Mỗi bài thi vấn đáp có hai giáo viên thực hiện, nếu có sự không thống nhất về điểm thì trưởng bộ môn quyết định. Các bài thi trắc nghiệm nên chấm bằng máy.

Vấn đề cấp bách nhất đang được đặt ra hiện nay là phải đổi mới phương pháp kiểm tra thi cử. Có mấy vấn đề cần lưu ý như sau:

Ra đề thi cần chú ý tới các nguyên tắc chung:

- Đề thi phải tập trung vào nội dung chương trình dạy học.
- Có giá trị về mặt khoa học và thực tiễn.
- Phân biệt được trình độ, năng lực học tập của học sinh.
- Đề thi phải đo được tính sáng tạo trong tư duy của học sinh.
- Không nên ra đề thi với yêu cầu học thuộc, nhắc lại sách giáo khoa.

Giáo viên có thể lựa chọn một hoặc kết hợp các hình thức khác nhau, không nên coi một hình thức thi nào là duy nhất.

Một trong những xu hướng trong thi cử ở các trường phổ thông hiện nay là sử dụng trắc nghiệm khách quan (Objective test).

Trắc nghiệm là bộ công cụ đo lường chuẩn được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, học sinh.

Trắc nghiệm có nguồn gốc từ nghiên cứu Tâm lí học, bắt đầu từ ý tưởng của Galton F. cuối thế kỉ XIX. Trắc nghiệm được sử dụng để đo chỉ số thông minh (IQ) chỉ số xúc cảm (EQ), chỉ số sáng tạo (CQ),... của các nghiệm thể, qua nói, viết, vẽ và hành động... Về sau, trắc nghiệm được vận dụng để nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực giáo dục, trước hết để đo lường, đánh giá kết quả học tập của học sinh, học sinh.

Có hai loại trắc nghiệm viết được sử dụng phổ biến hiện nay ở trường phổ thông đó là: trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan:

Trắc nghiệm tự luận (Essay Test) là loại trắc nghiệm được xây dựng dưới dạng một câu hỏi về một hay nhiều vấn đề, yêu cầu học sinh trả lời bằng cách viết ra một văn bản theo khả năng hiểu biết của mình. Đó chính là bài thi viết mà chúng ta vẫn sử dụng lâu nay.

Trắc nghiệm tự luận có nhiều ưu điểm và cũng có nhiều nhược điểm.

Về mặt ưu điểm, kết quả làm bài thi trắc nghiệm tự luận bộc lộ mọi khả năng của học sinh: từ trình độ hiểu biết, số lượng và chất lượng kiến thức, phương pháp tư duy, logic lập luận, khả năng diễn đạt, cảm xúc của cá nhân,... Từ đó cho phép đánh giá được năng lực thực tế của học sinh.

Song song với ưu điểm, trắc nghiệm tự luận là phương pháp kiểm tra bộc lộ nhiều nhược điểm, trước hết là nó mang tính chủ quan: giáo viên là người giảng dạy, đồng thời là người ra đề, người coi thi, chấm thi. Đề thi tự luận thường là một hoặc hai câu hỏi tập trung vào những phần quan trọng nhất của chương trình môn học, cho nên có thể dẫn đến việc thầy dạy tử, học sinh học lệch, thậm chí có học sinh học thuộc lòng bài tử hay làm phao để quay cóp,...

Vấn đề quan trọng nhất của trắc nghiệm tự luận là khâu ra đề, hiện nay nhiều giáo viên vẫn quan niệm thi là để xem học sinh có thuộc bài không, vì vậy, ra đề thi thường là những câu hỏi yêu cầu học sinh học thuộc lòng các nội dung có trong sách giáo khoa hay bài giảng của giáo viên.

Trắc nghiệm khách quan (Objective Test) là hệ thống câu hỏi kèm theo các phương án trả lời, đề thi cung cấp cho học sinh toàn bộ hay một phần thông tin, yêu cầu học sinh chọn một trong những phương án để trả lời.

Trắc nghiệm khách quan được coi là công cụ đo lường chuẩn mực, kết quả chấm thi rất khách quan, bộ trắc nghiệm khách quan có 5 loại:

Trắc nghiệm đúng, sai (yes/no question) là trắc nghiệm có hai phương án, trong đó có một phương án đúng.

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (multiple choice questions) là trắc nghiệm có bốn hoặc năm phương án lựa chọn, trong đó có một phương án đúng.

Trắc nghiệm ghép đôi (matching items) là trắc nghiệm có hai dãy từ, trong đó có các cặp từ tương ứng ở hai cột.

Trắc nghiệm điền khuyết (completion items) là trắc nghiệm yêu cầu học sinh phải điền từ hoặc cụm từ vào chỗ trống để hoàn chỉnh một đoạn thông tin.

5. Trắc nghiệm trả lời ngắn (short answer) là trắc nghiệm yêu cầu học sinh dùng một đoạn thông tin ngắn để trả lời một câu hỏi.

Mỗi trắc nghiệm có cấu trúc gồm hai phần: phần câu dẫn, phần đáp án có các phương án cần lựa chọn.

Ưu điểm của trắc nghiệm khách quan:

+ Trắc nghiệm khách quan là bộ công cụ chuẩn, có giá trị, có độ tin cậy cao, có tính hiệu nghiệm, có khả năng phân biệt trình độ học tập và đánh giá khách quan kết quả làm bài của học sinh. Trắc nghiệm khách quan được lượng giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và có thang đo chuẩn mực.

+ Bộ đề trắc nghiệm khách quan có số lượng lớn câu hỏi, trải dài từ đầu đến cuối chương trình môn học và kết quả làm bài được chấm bằng máy, được xử lý bằng toán thống kê, cho kết quả khách quan đúng với trình độ của học sinh.

+ Trắc nghiệm khách quan chống được hiện tượng học tủ, học lệch. Với một ngân hàng đề thi, với sự hỗ trợ của máy tính, việc tổ chức thi sẽ trở nên đơn giản, cho ta kết quả khách quan.

+ Trắc nghiệm khách quan có khả năng phân loại nhanh trình độ của học sinh trong một lớp học một cách nhanh chóng.

+ Trắc nghiệm khách quan còn có thể được sử dụng trong quá trình dạy học như một phương pháp, nhằm giúp học sinh tự kiểm tra kiến thức, tự điều chỉnh cách học rất có hiệu quả.

Trắc nghiệm khách quan đang được sử dụng trong các kì thi, đặc biệt là thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh phổ thông cho các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GDCD và tiếng nước ngoài, các kì thi kết thúc môn học ở các trường phổ thông.

Trắc nghiệm khách quan cũng có nhiều nhược điểm cần lưu ý:

+ Học sinh dễ “đoán mò” khi làm bài. Có những trường hợp học sinh đoán đúng đáp án nhưng lại không hiểu bản chất của đáp án.

+ Đánh giá được kết quả làm bài nhưng không đánh giá được phương pháp làm bài, thí dụ không đánh giá được phương pháp tư duy trong giải bài toán, không đánh giá được phương pháp tưởng tượng sáng tạo trong bài văn,...

+ Không đánh giá được thái độ, cảm xúc của học sinh đối với nội dung học tập, ví dụ cảm xúc văn học, nghệ thuật,...

+ Không đánh giá được một số kĩ năng cơ bản, thí dụ kĩ năng đọc, nói, viết trong các môn học ngoại ngữ, kĩ năng làm thí nghiệm, thực hành trong các môn khoa học tự nhiên và kĩ thuật như Vật lí, Hoá học, Sinh học và Công nghệ,...

Do vậy, không nên coi trắc nghiệm khách quan là phương pháp kiểm tra, đánh giá khách quan duy nhất, mà nên kết hợp nhiều hình thức thi tự luận, vấn đáp, thực hành, làm bài tiểu luận trong quá trình dạy học.

Ở nhiều nước phát triển, ví dụ như Cộng hòa Liên bang Nga các kì thi trong quá trình dạy học chủ yếu là vấn đáp, kết hợp với thực hành và làm tập tiểu luận, hầu như không sử dụng hình thức thi tự luận.

3.4.3. Đánh giá

Đánh giá là xác định kết quả học tập của học sinh, bằng cách so sánh với các mục tiêu đã xác định.

Đánh giá là bước tiếp theo của kiểm tra, cũng như kiểm tra, đánh giá có chức năng dạy học, chức năng kiểm soát và chức năng giáo dục thái độ học và tu dưỡng của học sinh.

Để đánh giá kết quả học tập của học sinh một cách chính xác nên sử dụng bảng phân loại mục tiêu giảng dạy ở ba mặt kiến thức, kĩ năng và thái độ. Mỗi mặt có những mức độ như sau:

+ Đánh giá kiến thức theo các mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. (Bloom B.)

+ Đánh giá kĩ năng theo các mức độ thành thạo: làm được theo mẫu, nắm vững các thao tác, thành thạo công việc, tự động hoá hành động, sáng tạo được phương pháp mới và biết đánh giá các phương pháp hành động.

+ Đánh giá thái độ theo các mức độ cảm xúc: tiếp nhận, phản ứng ban đầu, xác định thang giá trị, quyết định hành động, hành vi tự động hoá và đánh giá các giá trị hành vi văn hóa.

Nguyên tắc đánh giá kết quả học tập của học sinh:

- + Đảm bảo tính khách quan, theo các tiêu chí chuẩn mực.
- + Đảm bảo tính toàn diện: học lực, hạnh kiểm, lí thuyết, thực hành.
- + Đảm bảo tính hệ thống trong đánh giá quá trình học tập.
- + Đảm bảo tính dân chủ, công khai, công bằng trước tập thể học sinh.
- + Đảm bảo tính phát triển, động viên sự tiến bộ trong học tập, tu dưỡng của học sinh.

4. LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp dạy học rất đa dạng được phân thành bốn nhóm. Mỗi phương pháp dạy học đều có những ưu điểm, nhược điểm, có chỗ mạnh, chỗ yếu và không có phương pháp nào là vạn năng. Vì vậy, quá trình dạy học phải lựa chọn để sử dụng phối hợp đồng bộ các phương pháp dạy học.

Việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học bao giờ cũng tùy thuộc vào từng bài dạy cụ thể và phải căn cứ vào những yếu tố sau đây:

1. Mục tiêu bài dạy.
2. Đặc điểm nội dung bài dạy.
3. Đặc điểm, trình độ, kĩ năng và thói quen học tập của học sinh.
4. Phương tiện hiện có.
5. Đặc điểm môi trường lớp học.
6. Kinh nghiệm đã có của bản thân giáo viên.

Sử dụng thành công phương pháp dạy học chính là sự thể hiện trình độ khoa học, kĩ thuật và nghệ thuật sư phạm của giáo viên. Nghệ thuật sư phạm là sự vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học phù hợp với điều kiện thực tế để đạt được kết quả cao nhất.

Thực hiện quan điểm dạy học hiện đại “*lấy hoạt động của học sinh làm trung tâm*” phải sử dụng “*phương pháp dạy học tích cực*”. Toàn bộ quá trình dạy học phải hướng vào người học, phương pháp dạy học phải dựa trên đặc điểm của người học, để khai thác tối đa tiềm năng trí tuệ, tính tích cực và sáng tạo của học sinh và tập thể học sinh với mục tiêu là làm phát triển tối đa năng lực của người học.

5. XU HƯỚNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở PHỔ THÔNG

Trong xu thế phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại, nền kinh tế phát triển rất nhanh, phương thức sản xuất đã được hiện đại hoá, máy tính điện tử trở thành trung tâm của hệ điều hành sản xuất. Nhu cầu nhân lực xã hội ngày càng tăng nhanh không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng. Người lao động hiện đại phải có trình độ cao, kiến thức rộng, kĩ năng tay nghề vững vàng.

Để đáp ứng yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực, giáo dục phổ thông phải tập trung vào phát triển tối đa năng lực của người lao động, phương pháp dạy học cũng được đổi mới theo hướng sau đây:

1. Nâng cao tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học sinh. Phương pháp dạy học hiện đại hướng vào việc tổ chức và yêu cầu học sinh tham gia các hoạt động đa dạng để rèn kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, tạo thói quen học tập thường xuyên và suốt đời.
2. Khai thác tiềm năng trí tuệ của tập thể học sinh. Phương pháp dạy học hiện đại xây dựng tập thể học sinh thành môi trường học tập thuận lợi, trong đó học sinh hoạt động

tương tác với nhau, vừa tranh đua, vừa hợp tác qua đó giáo dục ý thức và kỹ năng lao động hợp tác đó là một mục tiêu của quá trình dạy học hiện đại.

3. Tăng cường sử dụng các thiết bị kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. Phương pháp dạy học hiện đại yêu cầu sử dụng các thiết bị kỹ thuật như công cụ nhận thức, công cụ hỗ trợ cho giáo viên và học sinh tìm kiếm, xử lý thông tin, tiến hành các thí nghiệm, thực hành để tăng hiệu quả học tập tối đa.

4. Đổi mới kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của học sinh. Phương pháp dạy học hiện đại yêu cầu sử dụng các hình thức và kỹ thuật kiểm tra, đánh giá làm phương tiện kiểm soát quá trình dạy học, làm động lực thúc đẩy tính tích cực học tập của học sinh.

Chương 2

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở PHỔ THÔNG

1. KHÁI NIỆM HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở PHỔ THÔNG

Dạy học ở trường phổ thông là quá trình hoạt động tương tác giữa giáo viên và học sinh, một hoạt động có chương trình, nội dung, có phương pháp dạy học mang tính khoa học, kĩ thuật và nghệ thuật và nhất thiết chúng phải được diễn ra bằng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp.

Phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học là hai khái niệm khác nhau nhưng chúng có liên quan mật thiết với nhau như hình với bóng, và từ đó có những nhà giáo đã đồng nhất chúng với nhau. Cùng với đổi mới phương pháp dạy học, hiện nay, ở các trường phổ thông cần phải đổi mới các hình thức tổ chức dạy học.

Hình thức tổ chức dạy học là cách thức tổ chức, sắp xếp các giờ học ở trường phổ thông cho phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học, môn học phù hợp điều kiện và môi trường lớp học, nhằm làm cho quá trình dạy học đạt được kết quả tốt nhất.

Ở trường phổ thông có nhiều hình thức tổ chức dạy học, mỗi hình thức được phân biệt với nhau bởi các dấu hiệu:

- + Mục tiêu bài học nhằm giúp học sinh chiếm lĩnh kiến thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo hay ôn tập kiến thức cũ,...
- + Số lượng học sinh tham gia: cá nhân, nhóm hay tập thể,...
- + Nội dung bài học: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kĩ năng sống, các môn nghệ thuật, thể dục thể thao,...
- + Thời điểm tiến hành bài học: sáng, chiều,...
- + Không gian tiến hành bài học: trên lớp, ở nhà, trong phòng thí nghiệm, ngoài vườn trường, trên thực địa, viện bảo tàng,...
- + Chương trình dạy học ta có các hình thức dạy học chính khoá, ngoại khoá.

Mỗi hình thức tổ chức dạy học có những đặc điểm riêng, có điểm mạnh, điểm yếu và chúng có thể bổ sung cho nhau, khắc phục lẫn nhau. Việc lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học phụ thuộc vào các điều kiện chủ quan và khách quan, mục đích, nội dung bài học, kinh nghiệm sư phạm của giáo viên, điều kiện phương tiện, môi trường dạy học.

2. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở PHỔ THÔNG

Ở trường phổ thông hiện nay đang sử dụng các hình thức tổ chức dạy học sau đây:

2.1. Bài diễn giảng

Bài diễn giảng là hình thức tổ chức dạy học theo đơn vị lớp, mỗi lớp 40 - 50 học sinh cùng trình độ, cùng độ tuổi, thời gian học tập được chia thành tiết 45 phút, trong đó giáo viên giữ vai trò chủ đạo thực hiện giờ học bằng thuyết trình, giải thích, minh họa, cung cấp thông tin.

Bài diễn giảng là hình thức tổ chức dạy học tập thể, với mục đích là giúp học sinh nắm nội dung theo sách giáo khoa. Mỗi môn học được thực hiện một hệ thống bài diễn giảng theo một thời khoá biểu.

Để thực hiện bài diễn, giảng giáo viên phải thiết kế kế hoạch bài giảng, chuẩn bị về nội dung, thiết kế chiến thuật bài giảng, dự đoán các tình huống, các khả năng có thể xảy ra trong bài giảng.

Trong bài diễn giảng, giáo viên cần sử dụng nhiều phương pháp dạy học phối hợp, sử dụng các phương tiện trực quan nghe nhìn, tổ chức cho học sinh tham gia vào bài giảng một cách tích cực nhất.

Bài diễn giảng có hiệu quả khi nội dung hấp dẫn, học sinh tập trung chú ý huy động kiến thức, kinh nghiệm thực tế để tiếp thu, bài diễn giảng đạt hiệu quả khi được diễn ra trong môi trường giao tiếp thân thiện tin cậy giữa giáo viên và tập thể học sinh.

2.2. Thảo luận nhóm

Thảo luận là hình thức tổ chức cho học sinh trao đổi, tranh luận các vấn đề học tập, để tự rút ra được các kết luận theo yêu cầu của bài học.

Thảo luận là hình thức học tập trong đó mỗi cá nhân bằng kiến thức, kinh nghiệm và bằng trí thông minh, sự sáng tạo, đóng góp vào kết quả học tập chung.

Trong thảo luận, học sinh thường có những quan điểm khác nhau, tạo nên những tranh luận rất bổ ích, mỗi người có một ý kiến riêng nhưng cùng nhau phối hợp để tìm ra kết luận chung, cho nên các vấn đề nắm bắt được sẽ trở nên sâu sắc, lớp học sôi nổi, từ đó, hình thành thói quen mạnh dạn, tự tin trong học tập tập thể.

Giờ thảo luận có thể tiến hành theo nhóm hay cả lớp. Để tổ chức buổi thảo luận, giáo viên cần chuẩn bị kỹ nội dung, cách tiến hành, học sinh phải đọc kỹ các tài liệu có liên quan để chuẩn bị các ý kiến thảo luận. Giáo viên khéo léo dẫn dắt học sinh tranh luận và cuối cùng phải tổng kết kiến thức, khắc sâu các vấn đề đã thảo luận.

Hình thức thảo luận có thể thực hiện trong bài bài học mới, bài ôn tập, thực hành, sau buổi tham quan,...

2.3. Hội thảo

Hội thảo là hình thức tổ chức dạy học trong đó học sinh đóng vai trò là nhà nghiên cứu chủ động trình bày, trao đổi với các thành viên khác nhằm cùng nhau làm sáng tỏ các vấn đề khoa học, nghề nghiệp và thực tế cuộc sống xã hội.

Ở trường phổ thông có các loại hội thảo:

- Hội thảo theo sách giáo khoa.
- Hội thảo theo từng chuyên đề khoa học.
- Hội thảo theo chương trình tự chọn.

Mục đích hội thảo là giúp học sinh:

- Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, thói quen đọc sách.
- Đào sâu, mở rộng tri thức, cụ thể hoá, hệ thống hoá các nội khoa học theo chương trình đào tạo.
- Rèn kỹ năng đọc sách, nghiên cứu tài liệu, phân tích thông tin, trình bày thông tin bằng văn bản, bằng lời trước tập thể học sinh.
- Rèn kỹ năng tranh luận, phê phán, bảo vệ quan điểm, hợp tác, xây dựng, thống nhất những hiểu biết chung.
- Phát triển trong cách tư duy khoa học và kỹ năng giải quyết vấn đề theo quan điểm cá nhân.
- Rèn luyện thói quen giao tiếp, làm việc tập thể, hình thành các phẩm chất của nhà khoa học.

Để tổ chức hội thảo thành công giáo viên:

- Phải có chương trình và kế hoạch từ đầu năm cho các môn học theo một lịch trình.
- Phân công cho học sinh chuẩn bị các chủ đề.

- Hướng dẫn học sinh tìm sách, đọc sách và chuẩn bị văn bản.
- Hướng dẫn hội thảo theo chủ đề.
- Tổ chức cho học sinh tranh luận theo kế hoạch và đúng mục đích đề ra.
- Thu tóm kết quả thảo luận và giáo viên phải đưa ra ý kiến khẳng định chính thức những luận điểm khoa học.

2.4. Giờ học thí nghiệm

Giờ học thí nghiệm là hình thức tổ chức dạy học đưa học sinh vào phòng thí nghiệm, vườn thí nghiệm để tiến hành các thí nghiệm khoa học, thực hành các kỹ năng nghiên cứu nhằm củng cố lý thuyết.

Trong chương trình các môn khoa học tự nhiên và công nghệ có một số nội dung cần tổ chức cho học sinh làm các thí nghiệm, thực hành. Đây là hình thức tổ chức dạy học quan trọng giúp học sinh làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học, nhằm chứng minh hay khắc sâu các lý thuyết đã học.

Để giờ học thí nghiệm, thực hành thành công, với sự giúp đỡ của nhân viên thí nghiệm, giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm, vật tư thực hành cần thiết, sau khi hướng dẫn quy trình và chế độ an toàn, giáo viên tổ chức, hướng dẫn và giám sát học sinh thực hiện để rút ra các kết luận khoa học.

2.5. Tự học

Tự học là hình thức tổ chức cho học sinh học tập trong hoặc ngoài giờ lên lớp theo phương pháp tự nghiên cứu, bằng nỗ lực của cá nhân, mà không có giáo viên trực tiếp hướng dẫn.

Tự học có vai trò cực kỳ quan trọng, thực tế cho thấy chất lượng học tập được quyết định bởi ý thức và phương pháp tự học của từng học sinh. Khi cả lớp được cùng học một thầy, nhưng kết quả học tập của mỗi người lại rất khác nhau đó chính là do ý thức và phương pháp học tập của mỗi người.

Tự học có kế hoạch, có nề nếp sẽ tạo nên thói quen và phong cách làm việc lâu dài của từng cá nhân. Tự học giúp cho con người khả năng định hướng trong thời đại thông tin. Tự học trang bị cho học sinh phương pháp, kỹ năng tự hoàn thiện mình trong suốt cuộc đời.

Nội dung công việc tự học của học sinh phổ thông là ôn tập, chuẩn bị bài, làm các bài tập, thí nghiệm, thực hành, đọc sách tham khảo mở rộng kiến thức, chuẩn bị thảo luận, hội thảo, ôn tập chuẩn bị cho các kì thi,... Học sinh tự học tốt sẽ giúp cho các giờ học trên lớp thuận lợi và chất lượng học tập cả năm học sẽ được đảm bảo.

Để tự học tốt cần có hai yếu tố chủ quan và khách quan. Mặt chủ quan đó là hứng thú, kiên trì, tập trung tâm trí, có phương pháp học tập tốt, có trạng thái sức khỏe và tâm lý thoải mái, không bị chi phối, phân tán. Mặt khách quan là cần có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách tham khảo, có đồ dùng, phương tiện học tập, có máy tính nối mạng, cần có phòng học sáng sủa, mát mẻ, bàn ghế thuận lợi,... gia đình, nhà trường cần quan tâm các điều kiện tự học của học sinh.

Tự học là hoạt động học tập độc lập của học sinh ngoài giờ lên lớp, tự học là khâu then chốt, quyết định chất lượng học tập của mỗi học sinh.

Mục đích tự học là phát triển kỹ năng hoạt động độc lập theo hướng nghiên cứu khoa học, tiếp cận với trào lưu tiến bộ khoa học và công nghệ trong nước và thế giới và đồng thời đảm bảo chất lượng quá trình học tập của bản thân học sinh.

Nội dung tự học:

- Hoàn thiện bài trên lớp.
- Chuẩn bị bài tiếp theo.
- Mở rộng và đào tạo sâu kiến thức bằng các nguồn thông tin khác nhau.
- Tập dượt để hình thành kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng nghiên cứu khoa học.

Cần tổ chức cho học sinh tận dụng hết thời gian dành cho tự học, tự học một cách tích cực và có phương pháp sáng tạo nhất.

2.6. Phụ đạo

Phụ đạo là hình thức tổ chức dạy học cho từng học sinh hoặc một nhóm học sinh với giúp đỡ trực tiếp của giáo viên ngoài giờ lên lớp.

Phụ đạo thường được tổ chức hai loại đối tượng là học sinh kém và học sinh giỏi, phụ đạo đồng nghĩa với hình thức tổ chức dạy học cá biệt.

Mục tiêu phụ đạo rất đa dạng: có thể là để giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, đào sâu, mở rộng, nâng cao kiến thức, luyện tập hình thành kỹ năng, kỹ xảo, chuẩn bị các kì thi, chuẩn bị báo cáo hội thảo,...

Phụ đạo còn giúp cho học sinh giỏi học tập tốt hơn, đạt được những thành tích rất xuất sắc trong các kì thi quốc gia và quốc tế,...

Phụ đạo là việc làm có tổ chức, có kế hoạch theo chương trình giảng dạy của nhà trường, dựa trên yêu cầu thực tế của học sinh, không kèm theo lợi nhuận đó là việc làm trong sáng. Cần có một đội ngũ nhà giáo giỏi, tâm huyết, “*vi học sinh thân yêu*”.

Dạy học phụ đạo cần lưu ý đến đặc điểm, trình độ học lực của học sinh, chú ý đến những điểm mạnh, điểm yếu của mỗi cá nhân, mỗi nhóm học sinh để giúp học sinh tìm ra phương pháp học tập tốt nhất.

2.7. Thực tập nghề nghiệp

Trường phổ thông có thể dạy một số nghề cho học sinh. Vì vậy, một trong những hình thức tổ chức dạy học, đồng thời là một khâu trong quá trình dạy học là tổ chức cho học sinh tham gia vào quá trình rèn luyện nghề thông qua thực tập tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ quan văn hóa xã hội.

Thực tập được xây dựng theo chương trình, có mục tiêu cho từng đợt, có nội dung và cần được tổ chức một cách khoa học, nghiêm túc.

Thực tập có thể tổ chức theo từng đợt, từng năm học nhằm nâng dần tính phức tạp về chuyên môn và cần có thời gian hợp lí.

Thực tập cần chọn địa điểm thuận lợi, có đủ cán bộ hướng dẫn và an toàn.

Thực tập là một hình thức tổ chức dạy học phải được đánh giá đúng mức tầm quan trọng nên cần được tổ chức chu đáo, cần có cán bộ hướng dẫn có kinh nghiệm, cần tổng kết, đánh giá khách quan.

2.8. Nghiên cứu khoa học

Tổ chức cho học sinh nghiên cứu khoa học là hình thức tổ chức dạy học quan trọng ở các trường phổ thông góp phần đem lại kết quả đào tạo tốt và nó hỗ trợ, thúc đẩy các hình thức tổ chức dạy học khác thực hiện có hiệu quả.

Mục đích tổ chức cho học sinh nghiên cứu khoa học là:

- Giúp học sinh tập dượt nghiên cứu mang lại thông tin mới, kiến thức mới cho bản thân.
- Giúp học sinh tập rèn luyện kỹ năng hoạt động sáng tạo.

Nghiên cứu khoa học thực chất là một hình thức học tập cho học sinh nghiên cứu khoa học cần rèn luyện cả 3 mặt:

- Tâm lí sẵn sàng bước vào khoa học, thể hiện sự hứng thú, quyết tâm, xu hướng khoa học.

- Lí luận khoa học là chuẩn bị cho học sinh kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng thực tế là tập dượt, bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học cho mỗi học sinh.

Trường phổ thông phải sử dụng tất cả mọi hình thức tổ chức dạy học vào mục tiêu đào tạo về mặt khoa học. Tận dụng mọi thế mạnh của diễn giảng, tự học, hội thảo, thực tập để bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học.

Tập dượt cho học sinh nghiên cứu khoa học cần tăng dần tính phức tạp từ đề tài nhỏ đến đề tài lớn.

Cần tổ chức các kì thi Olympic khoa học với các giải thưởng khoa học trong phạm vi một trường, liên trường và cả nước.

Ở phổ thông phải phối hợp đầy đủ các hình thức dạy học mới đem lại kết quả dạy học cao.

2.9. Tham quan

Tham quan là hình thức tổ chức cho học sinh đi các địa phương, các cơ sở sản xuất, văn hóa, khoa học, ... trực tiếp quan sát thu thập thông tin phục vụ cho học tập các môn khoa học và kỹ năng sống.

Tham quan là hình thức hấp dẫn, tạo hứng thú và có ý nghĩa giáo dục rất lớn. Tham quan được tổ chức theo yêu cầu của chương trình các môn học. Địa điểm tham quan thường là các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử, các viện bảo tàng, nhà triển lãm, cung văn hoá, vườn thú, đồng quê, bãi biển, núi rừng,...

Để các cuộc tham quan đạt được kết quả tốt, nhà trường cần có kế hoạch về các chủ đề tham quan, mục tiêu, nội dung, địa điểm, phương tiện đi lại và cần người hướng dẫn chuyên nghiệp,...

Cuối buổi tham quan cần được thu hoạch tổng kết, rút ra các thông tin cần cho các môn học.

2.10. Hội thi

Hội thi là hình thức tổ chức dạy học nhằm thu hút học sinh vào hoạt động học tập vừa có tính chất hội vừa có tính chất thi, tạo nên hứng thú học tập, nhằm bổ sung kiến thức cho các môn học.

Hiện nay, các trường phổ thông đang phát triển hình thức tổ chức dạy học rất có ý nghĩa này, với các nội dung đa dạng, để phục vụ cho mục tiêu của quá trình dạy học, thí dụ thi Olympic các môn khoa học tự nhiên, xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng mềm, giáo dục công dân, pháp luật,...

Để tiến hành tốt các cuộc hội thi ngay từ đầu năm nhà trường, các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn lên một kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết cho từng môn, ấn định thời gian, phân công chuẩn bị về nội dung và các điều kiện vật chất.

Hội thi được tổ chức long trọng, nội dung thiết thực và giải thưởng hấp dẫn thu hút được nhiều học sinh tự nguyện tham gia sẽ đem lại hiệu quả giáo dục rất lớn.

Tóm lại, hình thức tổ chức dạy học là cách thức tổ chức các giờ dạy linh hoạt cho phù hợp với mục tiêu và nội dung chương trình giảng dạy. Các hình thức tổ chức dạy học rất

đa dạng, mỗi hình thức có những ưu nhược điểm riêng, có những yêu cầu tổ chức riêng. Giáo viên biết lựa chọn, sử dụng phối hợp với các hình thức tổ chức dạy học một cách hợp lý để đạt được kết quả tốt nhất, đó cũng chính là nghệ thuật sư phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tiếng Việt

- [1]. Bộ Giáo dục Nhật Bản (2016), *Hướng dẫn học tập môn xã hội*, Nguyễn Quốc Vương dịch, Nguyễn Lương Hải Khôi hiệu đính, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 240 tr.
- [2]. Đặng Xuân Hải (2012), *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, Nxb Bách khoa Hà Nội, 155 tr.
- [3]. Trần Thị Hương (2012), *Dạy học tích cực*, Nxb Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 256 tr.
- [4]. Intel (2009), *Chương trình Dạy học của Intel, Khóa học Cơ bản*, Phiên bản 10.1 dành cho Giáo viên cốt cán, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [5]. Microsoft (2007), *Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy và học*, Microsoft Partners in Learning, 98 tr.
- [6]. Microsoft (2007), *Chia sẻ kinh nghiệm sử dụng công nghệ thông tin trong dạy và học*, Microsoft Partners in Learning, 80 tr.
- [7]. Microsoft (2007), *Tài liệu bổ sung, Chương trình đào tạo giai đoạn 2*, Microsoft Partners in Learning, 97 tr.
- [8]. Tống Xuân Tám, Phạm Văn Danh (2010), “Xây dựng quy trình dạy học theo dự án nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Sử dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả tại các trường đại học, cao đẳng Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, tr. 168-176.
- [9]. Tống Xuân Tám (2012), “Vận dụng một số kỹ thuật dạy học ở đại học”, *Kỷ yếu Hội thảo “Trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong GV trẻ Trường ĐHSPTP.HCM - lần 1- 2012”*, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, tr. 30-42.
- [10]. Tống Xuân Tám (chủ biên), Trần Hoàng Đương (2015), *Hướng dẫn xây dựng các tương tác bằng Powerpoint 2013 trong dạy học và thuyết trình*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 300 tr., kèm đĩa DVD hướng dẫn các kỹ thuật.
- [11]. Tống Xuân Tám (chủ biên), Trần Hoàng Đương (2016), *Chinh phục trình diễn bằng Microsoft Powerpoint*, Nxb Xây dựng, Hà Nội, 243 tr., kèm đĩa DVD hướng dẫn các kỹ thuật.
- [12]. Trần Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Mạnh Hương, Bùi Xuân Anh, Lưu Thị Thu Hà (2016), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*, Quyển 2. Khoa học Xã hội, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 231 tr.
- [13]. Đỗ Hương Trà (Chủ biên) (2016), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*, Quyển 1. Khoa học Tự nhiên, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [14]. Vũ Hoa Tươi (Sưu tầm và hệ thống hóa) (2013), *Cẩm nang nghiệp vụ sư phạm Đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả và những giải pháp ứng xử trong ngành giáo dục hiện nay*, Nxb Tài chính, Hà Nội, 427 tr.

- [15]. Viện Nghiên cứu Giáo dục (2015), “Dạy học tích hợp, dạy học phân hóa ở trường trung học đáp ứng yêu cầu chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 261 tr.
- [16]. Phạm Việt Vượng (2008), *Lí luận dạy học đại học*, Tài liệu bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm giáo viên các trường đại học và cao đẳng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 44 tr.

2. Tiếng Anh

- [17]. Anthony Haynes (2010), *The complete guide to lesson planning and preparation*, Continuum International Publishing Group, New York, 188 pp.
- [18]. Anthony Haynes (2010), *100 ideas for lesson planning*, Continuum International Publishing Group, New York, 129 pp.
- [19]. Diane Larsen-Freeman (1990), *Language teaching methods*, Teacher’s handbook for the video series, Office of English language programs materials branch, United States Departments of State Washington, D.C, 65 pp.
- [20]. John C. Maxwell (1985), *The 17 Indisputable Laws of Teamwork, Workbook Embrace Them and Empower Your Team*, VM Nelson Impact A Division of Thomas Nelson Publishers, New York, USA, 223 pp.
- [21]. Microsoft (2008), *Peer Coaching Program Facilitator’s Guide 02/06v2*, Curriculum created by Microsoft in collaboration with Puget Sound Center for Teaching, Learning and Technology, a non profit organization dedicated to professional development for teachers, 243 pp.
- [22]. Microsoft (2008), *Microsoft Peer Coaching Program Local Facilitator Training Handbook v2-5d*, Curriculum created by Microsoft in collaboration with Puget Sound Center for Teaching, Learning and Technology, a non profit organization dedicated to professional development for teachers, 82 pp.
- [23]. Ogle D.M. (1986), *KWL: A teaching model that develops active reading of expository text*, Reading Teacher, p. 39, p. 564-570.
- [24]. Sharma Dr., Mantha S. et all., *Handbook on Communication Skills for Public Managers*, Centre for Good Governance, Knowledge - Technology - People, Andhra Pradesh (Indian), 67 pp.
- [25]. Tom Monahan (2002), *The do it Yourself Lobotomy Open Your Mind to Greater Creative Thinking*, Jonh Wiley & Sons, Inc., New York, USA.